

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2017

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN YÊN, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà La Thị Thủy.

2. Bà Bùi Thị Qua.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thăng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2017/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lý Nhì M – tên gọi khác: Lý Thị H, sinh năm 1973.

- *Bị đơn:* anh Cháu Sinh P – tên gọi khác: Cháu Sáng P, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ninh. Chị M và anh P đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/6/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Lý Nhì M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cháu Sinh P (Cháu Sáng P) được tự do tìm hiểu, tự nguyện xây dựng gia đình, tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 tại thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Quảng Ninh, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Anh chị sống hạnh phúc, hòa thuận đến cuối năm 2000, thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P thường xuyên chơi cờ bạc, rượu chè, không quan tâm gì

đền gia đình và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên ngăn nhiều lần, nhưng anh P không thay đổi mà ngày càng đối xử tệ bạc hơn với chị. Biểu hiện, anh P thường xuyên đi uống rượu về nhà sinh sự, kiếm cớ, đánh chửi, xúc phạm danh dự và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 10 năm 2016, chị và anh P sống ly thân với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho chị với anh P.

Về con chung: Chị và anh Cháu Sinh P có hai con chung, tên là Cháu Chấn S – sinh ngày 27/5/1999 và Cháu Chấn T – sinh ngày 21/4/2005.

Con chung Cháu Chấn S đã thành niên (đủ 18 tuổi), tự lập được cuộc sống riêng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cháu Chấn T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay chị làm ruộng và đi bóc vỏ keo thuê thu nhập bình quân một tháng khoảng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), đủ điều kiện nuôi con ăn, học.

Về tài sản chung: Chị và anh Cháu Sinh P tự thỏa thuận giải quyết, không có nợ chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án anh Cháu Sinh P (Cháu Sáng P) cơ bản thống nhất với lời trình bày của chị Lý Nhì M về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung.

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M được tự do tìm hiểu, tự nguyện xây dựng gia đình và về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, nhưng do thiếu hiểu biết pháp luật nên không đi đăng ký kết hôn. Từ cuối năm 2000 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị M không hợp tính cách và bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra việc tranh cãi, xúc phạm danh dự của nhau. Mặt khác, chị M là người hẹp hòi, ích kỷ, nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình bên ngoài, không chung thủy vợ chồng, nên chị M thường kiếm cớ, sinh sự, chửi mắng anh. Anh xác định vợ chồng không còn chung sống với nhau, không còn tình cảm nên đồng ý theo yêu cầu của chị M. Về con chung: anh đồng ý để chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cháu Chấn T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì hiện nay anh không có điều kiện nuôi con. Về tài sản chung: Anh và chị M tự thỏa thuận giải quyết, không có nợ chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 15; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên

xử: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Nhì M và anh Cháu Sinh P; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung Cháu Chấn T – sinh ngày 21/4/2005 cho chị Lý Nhì M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), anh Cháu Sinh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: các đương sự tự thỏa thuận, không có nợ chung, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: chị Lý Nhì M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Cháu Sinh P và chị được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cháu Chấn T. Đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và bị đơn: Từ năm 1997 đến nay, chị M và anh P chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình sống chung, từ cuối năm 2000, chị M và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị M có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh P. Như vậy, việc chung sống của chị M và anh P đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình; mục đích chung sống giữa hai người không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn việc thi hành một số quy định về xử lý việc kết hôn trái pháp luật.

Ngày 24/7/2017 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi nguyên đơn và bị đơn cư trú xác định chị M và anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn với nhau.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị M đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P là có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh P thỏa thuận chị Lý Nhì M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cháu Chấn T – sinh ngày 21/4/2005 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận của chị M và anh P là tự

nguyên và phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn ở với mẹ, nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Lý Nhì M và anh Cháu Sinh P tự thỏa thuận giải quyết, không có nợ chung. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

[5] Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đối với việc nuôi con chung sau ly hôn: chị Lý Nhì M và anh Cháu Sinh P thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định tại Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về án phí: chị Lý Nhì M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Nhì M (Lý Thị H).

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Nhì M (Lý Thị H) và anh Cháu Sinh P (Cháu Sáng P).

2. Về con chung: chị Lý Nhì M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Cháu Chấn T – sinh ngày 21/4/2005 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); anh Cháu Sinh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: chị M và anh P tự thỏa thuận giải quyết, không có nợ chung. Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Lý Nhì M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Tòa án chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008119 ngày 03/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. Chị M đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh
- VKSND huyện Tiên Yên;
- Chi cục THADS huyện Tiên Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, QĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lý Văn Thái